

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xếp ngạch chuyên viên chính đối với trường hợp được
bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 633/TTr-SNV ngày 18/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp ngạch chuyên viên chính đối với 108 trường hợp được bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng

PHỤ LỤC
DANH SÁCH XẾP NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC
BỔ NHIỆM GIỮ CHỨC VỤ, CHỨC DANH CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Mai Văn Công	1977		Chủ tịch UBND xã Nga Thẳng	01.003	8	4,65		4,65	01/3/2024	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/3/2024
2	Nguyễn Thái Sơn	1976		Chủ tịch UBND xã Thăng Bình	01.003	9	4,98	6%	5,28	01/10/2025	01.002	4	5,42	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
3	Hoà Ngọc Cương	1979		Chủ tịch UBND xã Hồ Vương	01.003	7	4,32		4,32	01/10/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/10/2023

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
4	Lê Công Tâm	1978		Chủ tịch UBND xã Ngọc Lặc	01.003	9	4,98		4,98	01/12/2023	01.002	3	5,08	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/12/2023
5	Đỗ Đức Ngọc	1979		Chủ tịch UBND xã Minh Sơn	01.003	7	4,32		4,32	01/9/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/9/2025
6	Lê Ngọc Thắng	1982		Chủ tịch UBND xã Trường Văn	01.003	7	4,32		4,32	01/5/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/5/2023
7	Nguyễn Hong Điệp	1982		Chủ tịch UBND xã Trung Chính	01.003	6	3,99		3,99	15/04/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính đề nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
8	Phan Thị Hà		1982	Chủ tịch UBND xã Ngọc Liên	01.003	7	4,32		4,32	01/5/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/5/2024
9	Lê Anh Tuấn	1977		Chủ tịch UBND xã Thắng Lợi	01.003	8	4,65		4,65	01/5/2023	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/5/2023
10	Đào Ngọc Đức	1980		Chủ tịch UBND xã Ba Đình	01.003	8	4,65		4,65	01/3/2025	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/3/2025
11	Đổng Minh Quân	1975		Chủ tịch UBND xã Nông Cống	01.003	9	4,98		4,98	01/4/2024	01.002	3	5,08	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/4/2024

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
12	Nguyễn Trung Kiên	1983		Chủ tịch UBND xã Công Chính	01.003	6	3,99		3,99	01/4/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
13	Nguyễn Hữu Hà	1982		Chủ tịch UBND xã Tượng Lĩnh	01.003	7	4,32		4,32	01/8/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/8/2025
14	Phùng Tiến Dũng	1981		Chủ tịch UBND xã Hoạt Giang	01.003	7	4,32		4,32	01/6/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/6/2024
15	Trịnh Đức Hùng	1979		Chủ tịch UBND xã Thiệu Toán	01.003	8	4,65		4,65	01/5/2024	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/5/2024

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
16	Nguyễn Ngọc Hiếu	1983		Chủ tịch UBND xã Thiệu Hoá	01.003	7	4,32		4,32	01/6/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/6/2025
17	Nguyễn Viết Thắng	1979		Chủ tịch UBND xã Giao An	01.003	7	4,32		4,32	01/5/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/5/2023
18	Phan Anh Tiến	1988		Chủ tịch UBND xã Thiệu Tiến	01.003	5	3,66		3,66	01/4/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
19	Vũ Thê Vinh	1981		Chủ tịch UBND xã Yên Thắng	01.003	8	4,65		4,65	01/11/2024	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/11/2024

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
20	Lê Quang Tùng	1979		Chủ tịch UBND xã Yên Khương	01.003	9	4,98		4,98	01/01/2025	01.002	3	5,08	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/01/2025
21	Đặng Hồng Sơn	1981		Chủ tịch UBND xã Thanh Kỳ	01.003	8	4,65		4,65	01/10/2024	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/10/2024
22	Trịnh Văn Bắc	1982		Chủ tịch UBND xã Mường Lát	01.003	5	3,66		3,66	01/01/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
23	Chu Văn Đoàn	1982		Chủ tịch UBND xã Hoàng Châu	01.003	8	4,65		4,65	01/10/2024	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/10/2024

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
24	Hoàng Văn Tiến	1984		Chủ tịch UBND xã Định Tân	01.003	7	4,32		4,32	01/5/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/5/2025
25	Hà Văn Tề	1984		Chủ tịch UBND xã Mường Chanh	01.003	6	3,99		3,99	01/4/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
26	Bùi Văn Điệp	1983		Chủ tịch UBND xã Thành Vinh	01.003	6	3,99		3,99	01/6/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
27	Hấp Quỳnh Trang		1986	Chủ tịch UBND xã Pù Nhi	01.003	5	3,66		3,66	01/7/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
28	Lê Văn Cường	1976		Chủ tịch UBND xã Định Hòa	01.003	8	4,65		4,65	01/9/2024	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/9/2024
29	Nguyễn Văn Tú	1986		Chủ tịch UBND xã Hoàng Hóa	01.003	5	3,66		3,66	01/5/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
30	Chu Hữu Khuyến	1975		Chủ tịch UBND xã Hoàng Lộc	01.003	9	4,98		4,98	01/10/2025	01.002	3	5,08	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/10/2025
31	Lê Thị Hoa		1982	Chủ tịch UBND xã Vân Du	01.003	7	4,32		4,32	01/4/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/4/2023

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
32	Nguyễn Văn Hiếu	1984		Chủ tịch UBND xã Quý Lộc	01.003	7	4,32		4,32	01/3/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/3/2025
33	Lê Đông Thịnh	1980		Chủ tịch UBND xã Ngọc Trạo	01.003	6	3,99		3,99	01/7/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
34	Nguyễn Đăng Trường	1984		Chủ tịch UBND xã Yên Định	01.003	6	3,99		3,99	01/10/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
35	Lê Công Thành	1979		Chủ tịch UBND xã Thạch Bình	01.003	7	4,32		4,32	01/11/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/11/2023

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
36	Vi Hùng Văn	1982		Chủ tịch UBND xã Mường Lý	01.003	7	4,32		4,32	01/10/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/10/2025
37	Trần Văn Thắng	1979		Chủ tịch UBND xã Trung Lý	01.003	7	4,32		4,32	01/5/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/5/2023
38	Trần Anh Tuyền	1982		Chủ tịch UBND xã Hoàng Giang	01.003	7	4,32		4,32	01/4/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/4/2025
39	Nguyễn Thị Loan		1982	Chủ tịch UBND xã Hoàng Phú	01.003	7	4,32		4,32	01/9/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/9/2023

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
40	Lê Văn Hiếu	1989		Chủ tịch UBND xã Quang Chiều	01.003	5	3,66		3,66	01/12/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
41	Đỗ Thanh Minh	1982		Chủ tịch UBND xã Yên Thọ	01.003	7	4,32		4,32	01/10/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/10/2024
42	Ngân Văn Hanh	1984		Chủ tịch UBND xã Mường Mìn	01.003	4	3,33		3,33	01/8/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
43	Nguyễn Thanh Hào	1988		Chủ tịch UBND xã Kim Tân	01.003	6	3,99		3,99	01/5/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
44	Nguyễn Ngọc Nam	1980		Chủ tịch UBND xã Yên Trường	01.003	9	4,98		4,98	01/7/2025	01.002	3	5,08	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/7/2025
45	Nguyễn Văn Tiệm	1979		Chủ tịch UBND xã Hoàng Thanh	01.003	7	4,32		4,32	01/4/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/4/2024
46	Mai Xuân Thắng	1980		Chủ tịch UBND phường Hải Lĩnh	01.003	4	3,33		3,33	01/4/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
47	Lê Hùng Cường	1974		Chủ tịch UBND xã Điền Lư	01.003	9	4,98		4,98	01/01/2025	01.002	3	5,08	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/01/2025

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
48	Nguyễn Văn Hùng	1976		Chủ tịch UBND xã Biện Thượng	01.003	9	4,98		4,98	01/10/2025	01.002	3	5,08	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/10/2025
49	Nguyễn Xuân Sơn	1971		Chủ tịch UBND xã Quý Lương	01.003	7	4,32		4,32	01/3/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/3/2024
50	Trịnh Xuân Thắng	1982		Chủ tịch UBND xã Tây Đô	01.003	8	4,65		4,65	01/9/2025	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/9/2025
51	Cao Lương Ngọc	1985		Chủ tịch UBND phường Nghi Sơn	01.003	6	3,99		3,99	01/11/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
52	Lê Anh Đức	1982		Chủ tịch UBND phường Đồng Sơn	V.05.02.07	7	4,32		4,32	01/10/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/10/2024
53	Đồng Văn Long	1984		Chủ tịch UBND phường Nguyệt Viên	V.05.02.07	6	3,99		3,99	01/7/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
54	Trần Duy Tiến	1983		Chủ tịch UBND xã Pù Luông	01.003	5	3,66		3,66	01/6/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
55	Lê Tiến Đạt	1981		Chủ tịch UBND xã Thanh Quân	01.003	8	4,65		4,65	01/4/2024	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/4/2024

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
56	Đỗ Hùng Tấn	1982		Chủ tịch UBND xã Hóa Quỳ	01.003	7	4,32		4,32	01/6/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/6/2023
57	Đặng Văn Quang	1977		Chủ tịch UBND phường Tỉnh Gia	01.003	8	4,65		4,65	01/9/2023	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/9/2023
58	Trịnh Văn Dũng	1979		Chủ tịch UBND xã Điện Quang	01.003	9	4,98		4,98	01/7/2024	01.002	3	5,08	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/7/2024
59	Tổng Minh Hóa	1982		Chủ tịch UBND xã Văn Nho	01.003	7	4,32		4,32	01/7/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/7/2025

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
60	Nguyễn Trọng Luân	1985		Chủ tịch UBND xã Xuân Bình	01.003	6	3,99		3,99	01/5/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
61	Hoàng Văn Hưng	1976		Chủ tịch UBND phường Đông Quang	01.003	9	4,98		4,98	30/6/2025	01.002	3	5,08	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	30/6/2025
62	Lê Thế Sơn	1985		Chủ tịch UBND phường Ngọc Sơn	01.003	6	3,99		3,99	01/8/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
63	Mai Đình Thủy	1987		Chủ tịch UBND xã Quảng Yên	01.003	5	3,66		3,66	01/7/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
64	Trịnh Thị Nguyễn	1975		Chủ tịch UBND xã Quảng Bình	01.003	9	4,98		4,98	01/10/2024	01.002	3	5,08	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/10/2024
65	Nguyễn Bá Tài	1972		Chủ tịch UBND xã Quảng Ninh	01.003	9	4,98	7%	5,33	01/12/2025	01.002	4	5,42	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
66	Nguyễn Thê Thắng	1988		Chủ tịch UBND xã Bát Mọt	01.003	6	3,99		3,99	01/8/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
67	Phạm Đắc Dung	1976		Chủ tịch UBND xã Cầm Tân	01.003	8	4,65		4,65	01/3/2025	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/3/2025

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
68	Hà Thanh Sơn	1970		Chủ tịch UBND xã Cẩm Thạch	01.003	9	4,98	18%	5,88	01/11/2024	01.002	6	6,10	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
69	Nguyễn Tiến Lực	1973		Chủ tịch UBND xã Cẩm Thủy	01.003	9	4,98	8%	5,38	01/01/2025	01.002	4	5,42	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
70	Nguyễn Văn Hiệp	1982		Chủ tịch UBND xã Cẩm Vân	01.003	6	3,99		3,99	01/8/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
71	Ngô Văn Tường	1982		Chủ tịch UBND xã Luận Thành	01.003	7	4,32		4,32	01/8/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/8/2024

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
72	Nguyễn Xuân Đồng	1974		Chủ tịch UBND xã Lương Sơn	01.003	8	4,65		4,65	01/5/2024	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/5/2024
73	Lê Hoàng Cường	1980		Chủ tịch UBND xã Tân Thành	01.003	6	3,99		3,99	01/9/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
74	Lê Văn Hùng	1982		Chủ tịch UBND xã Thắng Lợi	01.003	8	4,65		4,65	01/7/2025	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/7/2025
75	Vũ Thị Thu Phương		1980	Chủ tịch UBND xã Vạn Xuân	01.003	7	4,32		4,32	01/8/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/8/2025

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
76	Đỗ Đình Minh	1981		Chủ tịch UBND xã Xuân Chinh	01.003	6	3,99		3,99	01/3/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
77	Quách Thệ Thuận	1981		Chủ tịch UBND xã Yên Nhân	01.003	6	3,99		3,99	01/5/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
78	Lữ Văn Hà	1981		Chủ tịch UBND xã Trung Hạ	01.003	6	3,99		3,99	01/7/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
79	Nông Bá Dũng	1983		Chủ tịch UBND xã Tân Ninh	01.003	6	3,99		3,99	01/5/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
80	Ngo Viết Thắng	1983		Chủ tịch UBND xã Hoa Lộc	01.003	6	3,99		3,99	01/12/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
81	Lê Ngọc Hung	1981		Chủ tịch UBND xã Vạn Lộc	01.003	7	4,32		4,32	01/5/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/5/2023
82	Lương Văn Thủy	1979		Chủ tịch UBND xã Na Mèo	01.003	5	3,66		3,66	01/10/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
83	Phạm Bá Chiến	1984		Chủ tịch UBND xã Tam Lư	01.003	5	3,66		3,66	01/02/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
84	Hà Văn Toản	1980		Chủ tịch UBND xã Tam Thanh	01.003	7	4,32		4,32	01/4/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/4/2025
85	Vũ Văn Ba	1980		Chủ tịch UBND xã Triệu Sơn	04.025A	8	4,65		4,65	01/5/2025	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/5/2025
86	Trịnh Duy Tĩnh	1975		Chủ tịch UBND xã Thọ Lập	01.003	9	4,98		4,98	01/3/2024	01.002	3	5,08	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/3/2024
87	Lê Ngọc Quân	1983		Chủ tịch UBND xã Thọ Xuân	01.003	7	4,32		4,32	01/5/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/5/2024

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
88	Hoàng Vũ Thạo	1988		Chủ tịch UBND xã Xuân Lập	01.003	5	3,66		3,66	01/12/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
89	Hoàng Vũ Thảo	1985		Chủ tịch UBND xã An Nông	V.05.02.07	5	3,66		3,66	01/4/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
90	Phạm Văn Thường	1978		Chủ tịch UBND xã Đồng Tiến	01.003	6	3,99		3,99	01/6/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
91	Nguyễn Thị Xuân		1981	Chủ tịch UBND xã Hợp Tiến	01.003	7	4,32		4,32	10/02/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	10/02/2025

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
92	Hoàng Văn Chung	1976		Chủ tịch UBND xã Thọ Bình	01.003	8	4,65		4,65	01/12/2025	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/12/2025
93	Nguyễn Trung Thành	1972		Chủ tịch UBND xã Thọ Phú	01.003	9	4,98	9%	5,43	01/9/2018	01.002	5	5,76	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
94	Phạm Văn Tĩnh	1977		Chủ tịch UBND xã Sơn Điện	01.003	8	4,65		4,65	01/4/2026	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/4/2026
95	Mạc Văn Tới	1988		Chủ tịch UBND xã Sơn Thủy	01.003	4	3,33		3,33	01/7/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
96	Lương Hồng Sỹ	1973		Chủ tịch UBND xã Xuân Du	01.003	9	4,98		4,98	01/01/2026	01.002	3	5,08	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/01/2026
97	Đinh Văn Phương	1983		Chủ tịch UBND xã Thanh Phong	01.003	8	4,65		4,65	01/10/2025	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/10/2025
98	Mai Cao Cường	1975		Chủ tịch UBND phường Trúc Lâm	01.003	6	3,99		3,99	01/9/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
99	Trịnh Đình Tùng	1983		Chủ tịch UBND xã Thiệu Trung	01.003	6	3,99		3,99	01/8/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
100	Lê Xuân Hoàn	1983		Chủ tịch UBND xã Hoàng Tiến	01.003	6	3,99		3,99	01/5/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
101	Nguyễn Đặng Ngọc	1988		Chủ tịch UBND xã Yên Phú	01.003	5	3,66		3,66	01/4/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
102	Nguyễn Công Đức Anh	1990		Chủ tịch UBND xã Bá Thước	01.003	3	3,33		3,33	01/8/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
103	Lê Duy Trung	1981		Chủ tịch UBND phường Đào Duy Từ	01.003	7	4,32		4,32	01/10/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/10/2023

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
104	Trịnh Thanh Bình	1981		Chủ tịch UBND xã Yên Ninh	01.003	6	3,99		3,99	01/8/2023	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
105	Nguyễn Quốc Tuấn	1983		Chủ tịch UBND xã Sao Vàng	01.003	7	4,32		4,32	01/5/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/5/2025
106	Lê Huy Dương	1974		Chủ tịch UBND xã Thạch Quảng	01.003	6	3,99		3,99	01/11/2025	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành
107	Nguyễn Ngọc Quang	1979		Chủ tịch UBND xã Thọ Ngọc	01.003	6	3,99		3,99	01/02/2024	01.002	1	4,40	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Lương hiện hưởng						Lương mới được xếp				
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thâm niên vượt khung	Tổng hệ số hưởng	Thời gian hưởng	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính để nâng bậc lương lần sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
108	Lê Văn Niệm	1981		Chủ tịch UBND xã Lam Sơn	01.003	8	4,65		4,65	01/12/2024	01.002	2	4,74	Kể từ ngày quyết định xếp ngạch mới có hiệu lực thi hành	01/12/2024

Danh sách này có 108 người.